TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2023/DS-PT Ngày: 23- 02- 2023 V/v tranh chấp: "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lấn chiếm, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy;

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 04 tháng 04 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Lê Văn Út A, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Trần Phước N, sinh năm 1995 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2022)

- *Bị đơn*:

1. Huỳnh Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt).

2. Cao Thái L, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông D: Huỳnh Văn T, sinh năm 1992 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Văn T, sinh năm 1992 (có mặt);

2. Huỳnh Minh H, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt);

3. Lê Thị Kim T1, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt);

4. Lê Ngân G, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt);

5. Võ Thị Thùy T3, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Cao Thái L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M và đại diện theo ủy quyền là anh Trần Phước N thống nhất trình bày:

Nguyên đơn có thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.480m^2, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND huyện G cấp ngày 22/5/2008 và thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00137 do UBND huyện G cấp ngày 06/7/2010, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang. Hai thửa đất này gia đình nguyên đơn ở và canh tác cho đến năm 2014 thì gia đình ông D, bà L bắt đầu có hành vi lấn chiếm và cản trở, cụ thể như móc đất, trồng cây, lấp con rạch, nhổ hàng rào. Hành vi của ông D, bà L thì nguyên đơn có báo chính quyền địa phương nhiều lần và cơ quan cũng nhiều lần làm việc với ông D, bà L nhưng không có kết quả.

Gia đình nguyên đơn làm nông nghiệp và làm hàng rào để phục vụ cho canh tác thì bị gia đình ông D, bà L ngăn cản cho rằng bên nguyên đơn lấn ranh đất. Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2 thì ông D, bà L cho rằng có một phần diện tích khoảng 32m^2 là của ông bà và ngăn cản không cho bên nguyên đơn trồng cây và sử dụng. Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, trước đây nguyên đơn có xây dựng bức tường rào cao 2,5m, bức tường năm hoàn toàn trên thửa đất số 66. Từ bức tường đến ranh đất của ông D, bà L có diện tích 31m^2 thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông D,

bà L cho rằng diện tích 31m^2 và một phần phía sau bức tường có diện tích 15m^2 là của gia đình ông D, bà L.

Ngày 06/9/2019, các bên hòa giải sự việc tranh chấp tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện G nhưng không thống nhất được ranh đất giữa hai bên và kết quả hòa giải không thành.

Nay, nguyên đơn yêu cầu gia đình ông D, bà L chấm dứt hành vi cản trở gia đình nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2, theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do UBND huyện G cấp ngày 22/5/2008 và thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00137 do UBND huyện G cấp ngày 06/7/2010, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang; Yêu cầu xác định ranh giới đất giữa thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2 với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2 và ranh giới giữa thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2 với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2 và yêu cầu ông D, bà L trả lại phần đất bị lấn chiếm diện tích 82,1m^2 nằm trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 và diện tích 77,5m^2 nằm trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, ngay khi án có hiệu lực pháp luật

** Bị đơn bà Cao Thái L trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Văn D là vợ chồng. Vợ chồng bà đứng tên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292 do UBND huyện G cấp ngày 14/10/2008. Phía ông Út A đã xây dựng bức tường qua phần đất của bà nên các phần đất tranh chấp ở vị trí số 2, 3, 4, 5, 6 ở hai thửa đất số 65, 66 là của bà và thuộc quyền sử dụng đất của bà. Đối với phần đất tranh chấp ở vị trí số 11, diện tích 82,1m^2 thuộc thửa đất số 65 cũng là đất của bà. Đối với con rạch thì trước đây bà mua đất của bà H1 không có con rạch nhưng trên thực tế là có con rạch nó nằm vị trí số 11 trên bản vẽ (diện tích 82,1m^2) chứ không nằm trên vị trí như bản vẽ đất (sơ đồ trích đo thửa đất)

Như vậy, toàn bộ phần đất tranh chấp ở các vị trí 2, 3, 4, 5, 6 có diện tích 77,5m^2 và vị trí số 11 diện tích 82,1m^2 là đất của bà. Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không có lấn đất ông Út A, bà M.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn D có đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Anh là con của ông D, bà L. Hiện tại anh là người đang sử dụng và ở trên phần đất đang tranh chấp. Ông D, bà L đứng tên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01290 do UBND huyện G cấp ngày 14/10/2008. Nguồn gốc thửa đất trên cha mẹ anh mua của bà Lê Thị Kim H1 từ năm 2003 và sử dụng cho đến nay.

Phần đất này giáp ranh với thửa đất số 65 của nguyên đơn theo thửa đất số 905 cấp giấy năm 1996 của bà Lê Thị Kim H1 thì không có con rạch nhưng trên

thực tế là có con rạch làm ranh giới nhưng hiện nay không còn do phía nguyên đơn sang lắp. Còn thửa đất số 67 giáp ranh với thửa đất số 66 của nguyên đơn có đoạn bức tường đầu thì bị đơn thông cảm thống nhất làm ranh giới hai bên. Còn đoạn bức tường còn lại thì phía nguyên đơn xây dựng lấn qua đất của bị đơn.

Nay, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim T1, Lê Ngân G, chị Võ Thị Thùy T3 cùng trình bày:*

Anh chị là thành viên trong hộ của ông Út A, đồng thời là con của ông Út A, bà M. Cha mẹ anh chị có thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2, đất lúa, được Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 ngày 22/5/2008 và thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00137 ngày 6/7/2010, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang. Hai thửa đất này, cha mẹ anh chị đã ở và canh tác nông nghiệp ổn định cho đến khoảng năm 2014 thì gia đình ông D, bà L bắt đầu có hành vi lấn chiếm và cản trở gia đình sử dụng 02 thửa đất nêu trên cho đến nay (cụ thể: móc đất, trồng cây, lấp con rạch, nhổ hàng rào). Hành vi ông D, bà L thì gia đình anh chị có báo chính quyền địa phương nhiều lần làm việc nhưng ông có kết quả. Cha mẹ anh chị có làm nông nghiệp và làm hàng rào để phục vụ cho việc canh tác thì gia đình ông D, bà L ngăn cản cho rằng gia đình anh chị lấn ranh đất.

Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2 thì ông D, bà L cho rằng có một phần diện tích khoảng 82,1m^2 (diện tích 82,1m^2 nằm hoàn toàn trên thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 và được ngăn cách với thửa đất của ông D, bà L bằng con rạch công cộng) là của ông bà nên đã ngăn cản không cho cha mẹ anh chị trồng cây và sử dụng diện tích này.

Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, trước đây cha mẹ anh chị có xây dựng bức tường rào khoảng 2,5m, bức tường này nằm hoàn toàn trên thửa đất số 66. Từ bức tường đến ranh đất của ông D, bà L có diện tích khoảng 32,5m^2 theo giấy chứng nhận đã cấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cha mẹ anh chị. Tuy nhiên, ông D, bà L cho rằng diện tích 32,5m^2 và một phần đất phía sau bức tường (diện tích khoảng 45m^2), tổng cộng 77,5m^2 là của gia đình ông D, bà L. Ngày 06/9/2019, cha mẹ anh chị và ông D, bà L có hòa giải tranh chấp tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện G nhưng không thống nhất được ranh đất giữa hai bên, kết quả hòa giải không thành. Gia đình ông D, bà L đã ngăn cản và không cho gia đình anh chị sử dụng phần đất mà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Út A, bà M là đã vi phạm quyền của người sử dụng đất theo quy định luật đất đai. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Út A, bà M.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh H trình bày:*

Anh hiện tại đang sinh sống và sử dụng phần đất được nêu trong vụ kiện, đây là phần đất ba mẹ anh mua chứ không phải lấn chiếm của ông Út A theo đơn

khởi kiện mà ông Út A nộp tại Tòa án nhân dân huyện G. Anh cam đoan lời nói của anh là đúng nên Tòa án xem xét giải quyết giúp gia đình anh lấy lại sự công bằng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166; Điều 169; Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M**.**

- Xác định ranh giới thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21 gồm 05 đoạn có chiều dài 17,63m; 10,64m; 1,35m; 4,44m; 13,39m. Ranh giới giữa thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21 gồm 03 đoạn có chiều dài: 8,68m; 17,16m; 0,83m.

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M diện tích 82,1m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/5/2008 cho ông Út A, bà M đứng tên, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang, có vị trí như sau:

Đông giáp đất rạch;

Tây giáp đất ông Út A, bà M (phần số 10);

Nam giáp đất ông Út A, bà M (phần số 10);

Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị S.

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M diện tích 77,5m^2 (tại các vị trí số 2 diện tích 11,5m^2; số 3 diện tích 5,1m^2; số 4 diện tích 5,5m^2; số 5 diện tích 21,9m^2; số 6 diện tích 33,5m^2) thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00137 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/7/2010 cho ông Út A, bà M đứng tên, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang, cụ thể:

+ Phần số 2 diện tích 11,5m^2, có vị trí:

Đông giáp đường T;

Tây giáp đất phần số 1;

Nam giáp phần số 3;

Bắc giáp phần số 1.

+ Phần số 3 diện tích 5,1m^2, có vị trí:

Đông giáp đường T;

Tây giáp đất phần số 1;

Nam giáp phần số 7;

Bắc giáp phần số 1.

+ Phần số 4 diện tích 5,5m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 1;

Tây giáp đất phần số 5, phần số 8;

Nam giáp phần số 8;

Bắc giáp phần số 1.

+ Phần số 5 diện tích 21,9m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 4;

Tây giáp rạch;

Nam giáp phần số 8;

Bắc giáp phần số 6.

+ Phần số 6 diện tích 33,5m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 1;

Tây giáp rạch;

Nam giáp phần số 5;

Bắc giáp phần số 1.

(Tất cả các phần đất có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Út A, bà M đới với các phần đất nêu trên.

***** Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L phải chịu số tiền 5.586.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 00016877 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Ngoài ra bản án bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, thi hành án của đương sự.

Ngày 14/11/2022, bị đơn Cao Thái L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, bản án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Cao Thái L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L công nhận phần đất có ký hiệu số 3 diện tích 5,1m ^{2} là của bà L, ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo hủy án sơ thẩm của bà L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của bà Cao Thái L còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất".

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thái L Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Út A, bà M đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1.483m^2, thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sự dụng đất số H00383 do UBND huyện G cấp ngày 22/5/2008 và diện tích 936,7m^2, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00137 do UBND huyện G cấp ngày 06/7/2010, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang giáp ranh với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01290 do UBND huyện G cấp ngày 14/10/2008 cho ông D, bà L đứng tên.

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chổ và sơ đồ trích đo thửa đất ngày 12/11/2021 thể hiện, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 936,7m^2, đo đạc thực tế phần ranh giới do ông Út A xác định thì thửa đất số 66 diện tích được thể hiện ở phần số 1, 2, 3, 4, 5, 6 trên sơ đồ vị trí khu đất có diện tích 917,3m^2, giảm 19,4m^2 so với diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.483m^2, đo đạc thực tế phần ranh giới do ông Út A xác định bao gồm phần số 10, 11 trên sơ đồ vị trí khu đất có diện tích 1.483m^2 phù hợp với diện tích được cấp, trong khi đó thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2, đo đạc thực tế phần ranh giới do bà L xác định bao gồm phần số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,9 11, 12, diện tích 1.234,5m^2 (tăng 138,3m^2). Như vậy, phần đất ông Út A xác định ở thửa đất số 66 thì diện tích giảm 19,4m^2, nếu tính theo phần ranh giới do bà L xác định thì thửa đất số 66 giảm 96,9m^2 (936,7m^2 – 839,8m^2 = 96,9m^2), thửa đất số 65 giảm 82,1m^2 (1.483m^2 – 1.400,9m^2 = 82,1m^2) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đó thửa đất số 67 của bà L, ông D tăng 138,3m^2. Hơn nữa, diện tích 59,2m^2, bà L xác định là ngọn rạch cũ nhưng phần đất này nằm trong thửa đất số 67, thuộc quyền sử dụng đất của ông D, bà L và hiện do ông bà quản lý, sử dụng.

Trên thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, ông Út A, bà M có xây dựng bức tường để làm hàng rào dài 46,9m, cao 2,2m, đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, phía nguyên đơn xây dựng bức tường để bảo vệ phần đất đồng thời khi xây dựng thì nguyên đơn đã chừa ra một phần đất rồi mới xây dựng để làm đà bảo vệ bức tường và ở phía bắc giáp đường nhựa T do phần đất của bị đơn có một cái ao nằm cặp tuyến đường nhựa T và giáp ranh với thửa đất số 66 của nguyên đơn nên nguyên đơn xây dựng bức tường phải giựt vào đất của nguyên đơn để bức tường không bị đỗ ngã, bên ngoài bức tường vẫn còn đất của ông Út A, bà M ở vị trí số 3 là 5,1m^2. Tuy nhiên từ khi ông Út A xây bức tường đến nay bà L, ông D đã sử dụng ổn định ngoài hàng rào của ông Út A nên ông Út A yêu cầu bà L ông D trả lại phần đất 5,1m^2 ở vị trí số 03 là không có căn cứ.

Đối với con rạch có diện tích đo đạc thực tế là 57,7m^2, đại diện ủy quyền nguyên đơn cho rằng đây là con rạch công cộng, bà L cho rằng có con rạch nhưng hiện nay cỏ mọc và không còn con rạch nhưng ban đầu nên con rạch thuộc quyền sử dụng đất của bà. Căn cứ báo cáo số 05/UBND ngày 24/01/2022 của Uỷ ban nhân dân xã Đ xác định đây là con rạch tự nhiên do thiên nhiên tạo nên và thuộc đất công cộng do nhà nước quản lý. Tuy nhiên, con rạch hiện không còn nữa do nhân dân có diện tích cặp theo con rạch đã tự san lấp dần hàng năm đến nay con rạch không còn.

Bà L, anh T cho rằng trước đây ông D, bà L mua đất của bà H1 diện tích 990m^2, thuộc thửa đất 894, tờ bản đồ số 03, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 51 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/9/1996 cho ông D đứng tên, sau đó ông bà mua thêm của bà H1 diện tích 300m^2 (mua bằng giấy tay, không có đo đạc thực tế) nên sau này cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.096,2m^2, bà L cho rằng diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng nhưng từ

ngày 14/10/2008 đến nay, bà không có khiếu nại hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21 thì phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Út A, bà M có diện tích được thể hiện ở phần số 1, 2, 4, 5 theo sơ đồ trích đo thửa đất là 912,2m^2 (so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 936,7m^2, giảm 24,5m^2); thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21 thì phần đất thuộc quyền sử dụng của ông D, bà L thể hiện ở phần số 3,7, 8, 9 là 1.081,5m^2 (so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 1.096,2m^2, giảm 14,7m^2), cả hai thửa đất đều giảm so với diện tích được cấp. Đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 thì phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Út A, bà M thể hiện ở phần số 10, 11 là 1.483m^2. Bà L cho rằng diện tích 82,1m^2 thuộc quyền sử dụng đất của bà là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời ông Út A yêu cầu buộc phía bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn là phù hợp với Điều 166, 169, 175 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm chưa làm rõ diện tích các thửa đất là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thái L, sửa bản án dân sư sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện G.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.586.000đồng là không phù hợp theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên bà L, ông D phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng nên sửa phần án phí. Bà L ông D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166, 169, 175, 176 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thái L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M.

- Xác định ranh giới thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21 gồm 05 đoạn có chiều dài 17,56m; 10,64m; 1,35m; 4,44m; 13,39m. Ranh giới giữa thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 21 gồm 03 đoạn có chiều dài: 8,68m; 17,16m; 0,83m.

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M diện tích 82,1m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00383 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/5/2008 cho ông Út A, bà M đứng tên, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang, có vị trí như sau:

Đông giáp đất rạch;

Tây giáp đất ông Út A, bà M (phần số 10);

Nam giáp đất ông Út A, bà M (phần số 10);

Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị S.

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M diện tích 72,4m^2 (tại các vị trí số 2 diện tích 11,5m^2; số 4 diện tích 5,5m^2; số 5 diện tích 21,9m^2; số 6 diện tích 33,5m^2) thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00137 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/7/2010 cho ông Út A, bà M đứng tên, đất tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang, cụ thể:

+ Phần số 2 diện tích 11,5m^2, có vị trí:

Đông giáp đường T;

Tây giáp đất phần số 1;

Nam giáp phần số 3;

Bắc giáp phần số 1.

+ Phần số 4 diện tích 5,5m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 1;

Tây giáp đất phần số 5, phần số 8;

Nam giáp phần số 8;

Bắc giáp phần số 1.

+ Phần số 5 diện tích 21,9m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 4;

Tây giáp rạch;

Nam giáp phần số 8;

Bắc giáp phần số 6.

+ Phần số 6 diện tích 33,5m^2, có vị trí:

Đông giáp phần số 1;

Tây giáp rạch;

Nam giáp phần số 5;

Bắc giáp phần số 1.

(Tất cả các phần đất có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

- Buộc ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L, anh Huỳnh Minh H, anh Huỳnh Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Út A, bà M đới với các phần đất nêu trên.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn D, bà Cao Thái L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006146 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G .

Ông Lê Văn Út A, bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.0000 đồng án phí sơ thẩm ông bà đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0016877 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được trừ vào án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 23 tháng 02 năm 2023 có mặt đại diện Viện kiểm sát, bà L, anh N./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều- Nguyễn Thị Diệp Thúy Trần Thị Kim Em

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều- Nguyễn Thị Diệp Thúy Trần Thị Kim Em